TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 3 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 26/02/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Số nhà 28, phố N, tổ 6, thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Công H, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Số nhà 28, phố N, tổ 6, thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh V Hà . Địa chỉ: QL1A, đường L, phường H, thành phố Ph, tỉnh Hà Nam. Người đại diện: Ông Lê Văn S. Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Chí T. Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật hạ tầng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Lê Công H kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 21/9/1993 tại UBND thị trấn Q, huyện Kim

Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên chửi, đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Nhưng chị vẫn nhẫn nhịn để chung sống. Do mâu thuẫn căng thẳng nên đến tháng 06 năm 2015 chị và anh H đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Công H.

Anh Lê Công H là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Về con chung: Chị D và anh H có hai con chung là cháu Lê Thị Thiên Tr, sinh năm 1995 và cháu Lê Hồng Q1, sinh năm 1997. Các cháu đã trên 18 tuổi, không bị tàn tật, lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện tại, chị D không mang thai.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị D trình bày, vợ chồng có 01 diện tích đất 110m^2 , thửa số 175, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại tổ dân phố số 6, thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Trên đất có 01 nhà hai tầng và đồ dùng sinh hoạt gồm 01 tivi, 01 bếp ga, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế và năm 2014 anh H đã ký hợp đồng cho thuê vị trí đặt trạm viễn thông tại nhà hai tầng, thời hạn thuê là 05 năm. Số tiền thuê hàng năm là 36.000.000đồng/năm anh H đã nhận tiền. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản các tài sản trên theo quy định của pháp luật. Ngày 11/02/2019 chị D tự nguyện rút phần yêu cầu giải quyết về chia tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về diện tích đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lê Công H. Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị D. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Công H là bị đơn; địa chỉ: Số nhà 28, phố N, tổ 6, thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Lê Công H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm để nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lê Công H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 9 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân tự do, tiến bộ được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng và thường xuyên chửi, đánh và đuổi chị D ra khỏi nhà nhiều lần. Do mâu thuẫn căng thẳng chị D không chịu đựng được nên tháng 6 năm 2015, chị D thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau. Theo các tài liệu thì mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D xin ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Lê Công H có hai con chung là cháu Lê Thị Thiên Tr, sinh năm 1995 và Lê Hồng Q1, sinh năm 1997. Các cháu đã trên 18 tuổi, không bị tàn tật, lao động tự lập được. Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về con riêng: Không có. Hiện tại chị D không mang thai.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm diện tích đất 110m^2, thửa số 175, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại tổ dân phố số 6, thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Trên đất có 01 nhà hai tầng và 01 tivi, 01 bếp ga, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế và năm 2014 anh H đã ký hợp đồng cho thuê vị trí đặt trạm viễn thông tại nhà hai tầng, thời hạn thuê là 05 năm, số tiền thuê hàng năm là 36.000.000đồng/năm, anh H đã nhận tiền. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa, chị D có đơn rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy, chị D rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện việc rút yêu cầu này của chị D không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung mà chị D xin rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về diện tích đất nông nghiệp: Không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.590.000đồng. Do chị D rút phần yêu cầu chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa nên trả lại cho chị Lê Thị D số tiền tạm ứng đã nộp 17.290.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lê Công H.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị D.

3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 17.590.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001345 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Trả lại cho chị Lê Thị D số tiền 17.290.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Công H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt